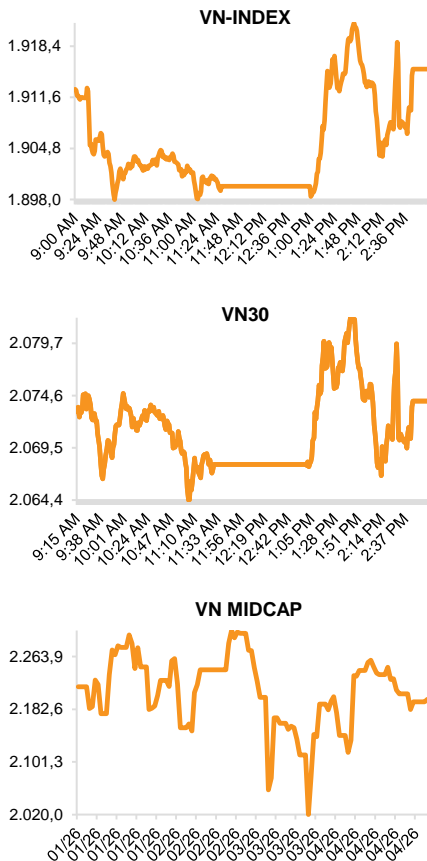


KHÓI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn



Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1,915.4	246.5	127.3
1 ngày (%)	0.3	-0.5	-0.7
1 tháng (%)	9.0	-2.7	-0.3
Từ 2026	7.3	-0.9	5.3
1 năm (%)	50.8	14.5	36.9
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	341	15	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	1.1	0.9	0.4
Số mã tăng	97	45	113
Số mã giảm	213	93	151
Số mã tham chiếu	92	158	457

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Thị trường chứng khoán

VN-Index tăng 0,3%, sắc đỏ chiếm ưu thế

Phiên giao dịch ngày 8/5/2026 kết thúc tuần, tiếp tục tạo đỉnh mới cho VN-Index trong trạng thái sắc đỏ áp đảo. Tính theo tuần, VN-Index ghi nhận mức tăng 61,3 điểm (+3,3%). Kết phiên, chỉ số VN-Index đóng cửa tại 1.915,4 điểm, tăng 6,4 điểm (+0,33%) so với phiên trước. Độ rộng thị trường tiếp tục nghiêng về phía tiêu cực với 95 mã tăng (2 mã trần), 210 mã giảm (3 mã sàn) và 56 mã đứng giá. HNX-Index giảm 0,5% xuống 246,5 điểm, cho thấy áp lực bán không chỉ giới hạn ở HoSE.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.074,1 điểm (-0,2%), với 10 mã tăng và 18 mã giảm, không có mã nào chạm trần hay sàn giá.

Kết quả kinh doanh Q1/26 tích cực của nhóm Ngân hàng và Bất động sản hỗ trợ thêm dòng vốn chọn lọc vào các cổ phiếu đầu ngành. Có sáu trong 19 nhóm ngành ghi nhận tăng điểm bao gồm Hàng hóa & Dịch (+0,9%), Bất động sản (+0,8%) và Ngân hàng (+0,7%). Ở chiều ngược lại, Du lịch & Giải trí chịu áp lực lớn nhất ở mức -2,5%, sau đó là Công nghệ (-1,2%) và Xây dựng & Vật liệu (-1,1%).

Thanh khoản khớp lệnh HoSE đạt 24,0 nghìn tỷ đồng, giảm 7,3% so với phiên giao dịch trước và tiếp tục duy trì trên mức bình quân 20 phiên gần nhất. Khối ngoại bán ròng 888,9 tỷ đồng, nối dài chuỗi 12 phiên bán ròng liên tiếp.

Chúng tôi khuyến nghị: 1) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao: VN-Index xác lập đỉnh mới là tín hiệu kỹ thuật tích cực, song độ rộng thị trường âm và chưa đến một phần ba số mã ghi nhận mức tăng cho thấy đã phục hồi phụ thuộc vào số ít cổ phiếu vốn hóa lớn. Có thể cân nhắc chốt lời từng phần tại các vị thế đã đạt mục tiêu và hạn chế gia tăng thêm trong bối cảnh đã tăng thiếu chiều rộng; 2) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao: Thanh khoản cải thiện mạnh tạo cơ sở để giải ngân có chọn lọc, ưu tiên Bất động sản và Ngân hàng là hai ngành đang dẫn dắt xu hướng với dòng vốn rõ ràng. Tránh phân bổ vào nhóm Dầu khí khi giá dầu toàn cầu tiếp tục điều chỉnh.

Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	Thay đổi (%)				
				1D	1M	YTD	1Y	KL
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.4	159.5	3.6	0.2	2.5	-4.4	31.4	1.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.0	20.2	5.1	0.0	0.7	-8.4	12.5	7.2
Năng lượng	2.4	14.0	1.9	5.5	-3.4	39.1	106.0	-2.6
Tài chính	36.6	11.7	1.7	0.3	3.4	1.0	30.1	0.5
Chăm sóc sức khỏe	0.4	17.2	2.5	0.8	-3.3	-2.7	9.2	166.5
Công nghiệp	7.1	23.4	4.2	0.1	3.1	-5.9	42.6	41.9
Công nghệ thông tin	1.7	13.3	3.1	-2.1	-0.6	-20.3	-17.6	-6.0
Vật liệu xây dựng	6.0	18.3	1.9	1.6	4.1	14.2	32.0	89.4
Bất động sản	30.4	93.6	7.6	-1.1	36.9	18.3	363.3	-14.4
Dịch vụ tiện ích	3.8	13.9	2.2	1.7	-1.9	5.0	25.7	98.5

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Mỹ:** Chính quyền Washington tiến hành hoàn trả 166,0 tỷ USD cho các nhà nhập khẩu sau phán quyết vượt thẩm quyền từ Tòa án Tối cao. Bên cạnh đó, cơ quan Thương mại Quốc tế (USITC) chính thức bãi bỏ rào cản thuế quan toàn cầu 10,0% theo đơn khởi kiện của giới doanh nghiệp và 20 tiểu bang.
- **Châu Á:** Tổ chức Moody's Analytics dự báo xung đột Trung Đông sẽ làm chậm tốc độ tăng trưởng GDP từ 0,1 – 0,4 điểm % và gia tăng sức ép lạm phát tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương.
- **Nhật Bản:** Chỉ số PMI dịch vụ tháng 4 giảm xuống 51,0 điểm (tháng 3: 53,4 điểm) do chi phí nguyên liệu đầu vào tăng nhanh nhất 12 tháng. Tiền lương thực tế giai đoạn này mở rộng 1,0% svck đánh dấu chu kỳ đi lên thứ ba liên tiếp, từ đó củng cố khả năng Ngân hàng Trung ương (BOJ) sẽ nâng lãi suất trong tháng 6.
- **Anh:** Thước đo PMI xây dựng tháng 4 giảm về 39,7 điểm (tháng 3: 45,6 điểm), chạm mức thấp nhất kể từ T11/25. Tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng đẩy chỉ số lạm phát đầu vào lên mức 81,4 điểm, ghi nhận biến động tăng theo kỳ lớn thứ hai kể từ năm 1997.

Tin vĩ mô trong nước

- Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 48, Thủ tướng Lê Minh Hưng đề xuất ưu tiên lớn cho khu vực gồm củng cố an ninh năng lượng và lương thực, đẩy nhanh hội nhập kinh tế số thông qua hoàn tất Hiệp định Khung Kinh tế số ASEAN (DEFA), và tăng cường cơ chế phối hợp khẩn cấp nội khối nhằm nâng cao khả năng chống chịu trước các cú sốc địa chính trị và gián đoạn chuỗi cung ứng.
- Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc chỉ đạo điều chỉnh Quy hoạch hệ thống cảng hàng không toàn quốc thời kỳ 2021-2030 nhằm đồng bộ với mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số. Quá trình rà soát này yêu cầu bám sát định hướng tầm nhìn quốc gia và hoàn thành ngay trong Q2/26.

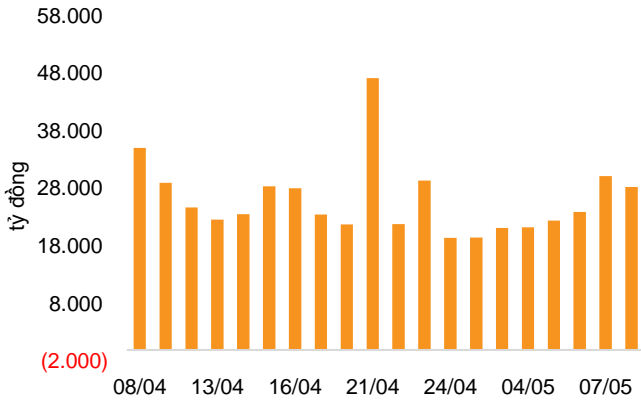
Tin ngành và doanh nghiệp

- **DGC:** Lợi nhuận ròng Q1/26 giảm 49,0% svck xuống 409,0 tỷ đồng, chạm mức thấp nhất kể từ Q3/21 do biên lợi nhuận gộp thu hẹp còn 23,0%. Tại đại hội bất thường, ban lãnh đạo thông báo dự án Nghi Sơn sẽ có sản phẩm trong Q4.
- **VSC:** Doanh nghiệp lên kế hoạch phát hành 187,0 triệu cổ phiếu với giá 10.000 đồng nhằm huy động 1,9 nghìn tỷ đồng. Ban lãnh đạo đặt mục tiêu lợi nhuận sau thuế năm nay đạt 750,0 tỷ đồng, tương ứng mức mở rộng 43,0% svck.
- **SGR:** Đại hội cổ đông thường niên thông qua chiến lược tăng tốc giai đoạn 2026-2030 với tổng mức đầu tư 17,1 nghìn tỷ đồng và mục tiêu lợi nhuận trước thuế 6,3 nghìn tỷ đồng. Công ty dự kiến triển khai tám dự án trọng điểm trên cả nước nhằm vươn sang phân khúc bất động sản khu công nghiệp, nghỉ dưỡng và công nghệ số.
- **BMI:** Báo cáo tài chính Q1/26 ghi nhận khoản phải thu ngắn hạn 303,0 tỷ đồng phát sinh từ chênh lệch số dư ngân hàng nhưng chưa rõ nguyên nhân, gia tăng lo ngại về tính minh bạch sau khi doanh nghiệp nhận ý kiến kiểm toán ngoại trừ.
- **VCS:** Ban lãnh đạo đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2026 giảm 11,0% svck xuống 744,0 tỷ đồng, ghi nhận mức thấp nhất kể từ năm 2016 do thị trường suy yếu và sức ép cạnh tranh tiếp tục bào mòn biên lợi nhuận.

Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

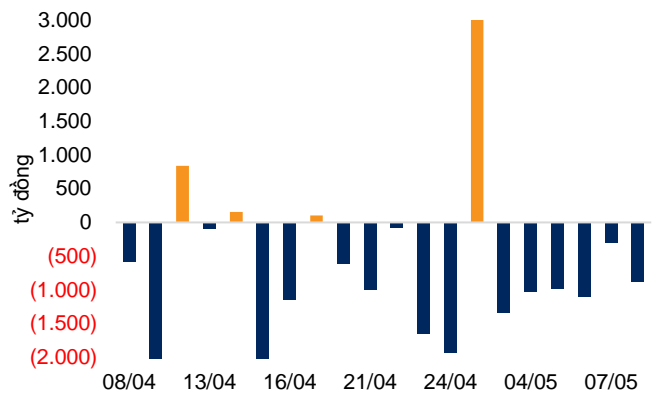
Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai, 4/5/2026	Việt Nam	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 4T26
Thứ Sáu, 7/5/2026	Mỹ	Báo cáo việc làm phi nông nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp tháng 4/2026

Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN



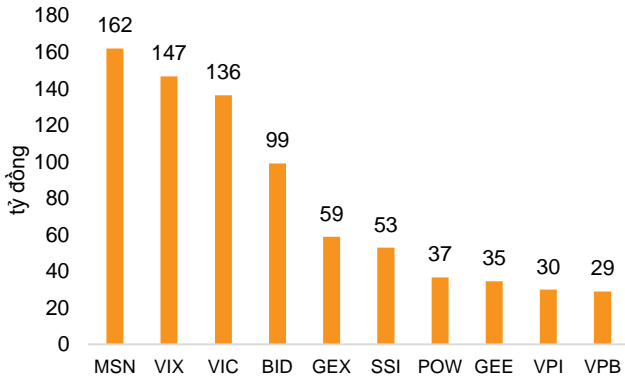
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỎI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN



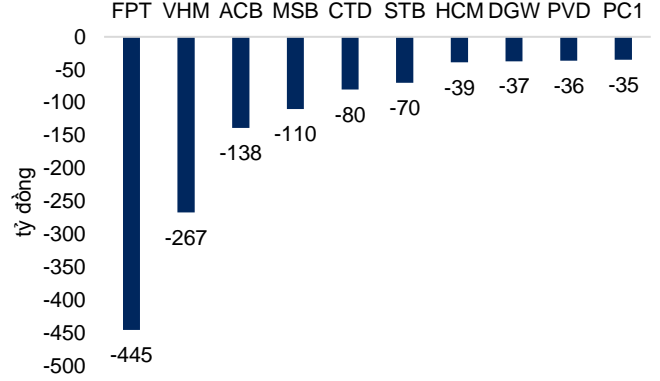
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY



Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY



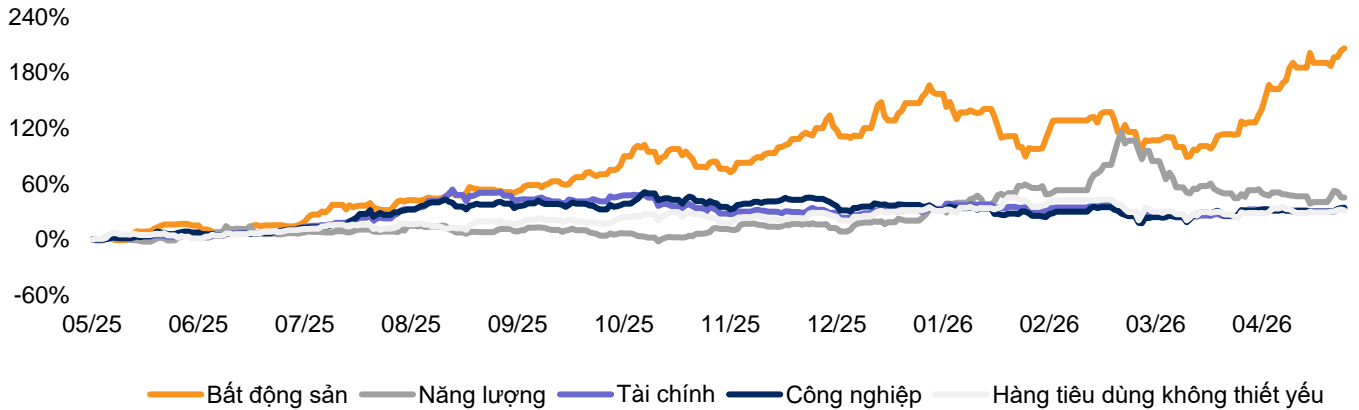
Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	0.0%	5.3%	18.1	1.6	-12.9%	2.2%	147,062	1.5%	17,878	0.4%	6.5%
Ấn Độ	NSE500 Index	-0.4%	-3.1%	24.9	3.5	15.0%	1.2%	10,670	6.7%	-21,660	-2.0%	-9.3%
Indonesia	JCI Index	-2.9%	-19.4%	14.2	1.9	11.9%	3.1%	1,032	6.5%	-2,889	-2.1%	-5.1%
Singapore	FSTAS Index	-0.4%	6.3%	17.6	1.5	9.0%	4.4%	1,574	1.7%	1,127	0.5%	2.6%
Malaysia	FBME Index	-0.4%	5.1%	17.0	1.5	8.3%	3.7%	728	3.3%	397	1.4%	9.2%
Philippines	PCOMP Index	-0.7%	-2.9%	8.6	1.0	10.6%	3.8%	104	5.8%	-61	-2.0%	-8.2%
Thái Lan	SET Index	-0.5%	19.1%	12.8	1.4	8.5%	4.4%	2,100	1.5%	549	-0.4%	2.4%
Viet Nam	VN-Index	0.3%	7.3%	15.6	2.2	15.1%	1.3%	901	4.1%	-1,780	0.1%	-1.3%

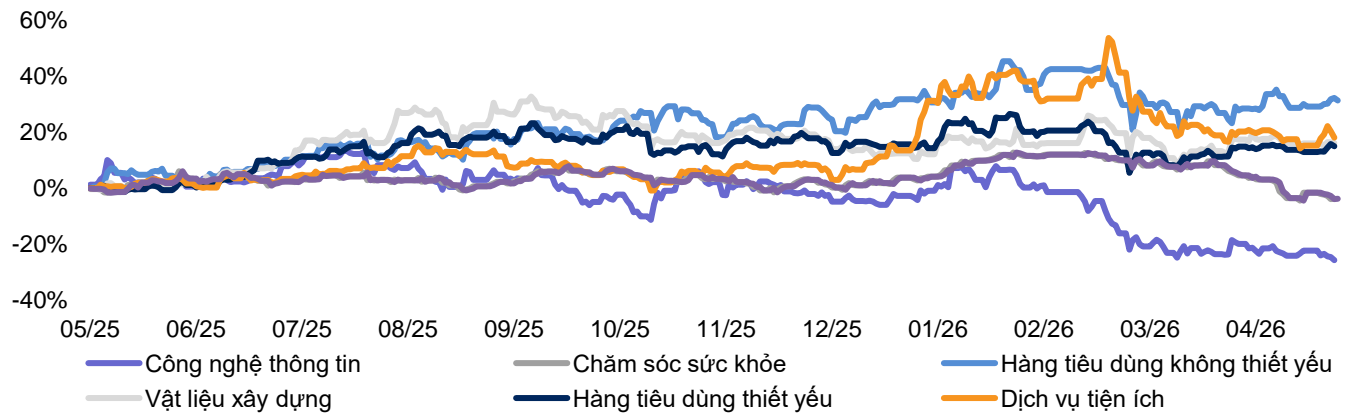
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)



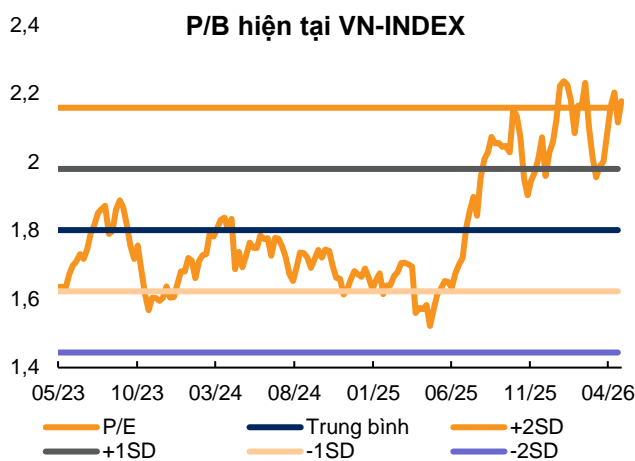
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)



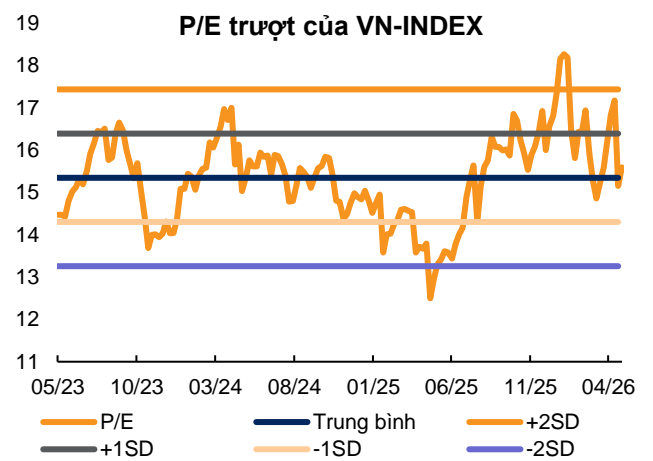
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: P/B HIỆN TẠI



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: P/E TRƯỢT



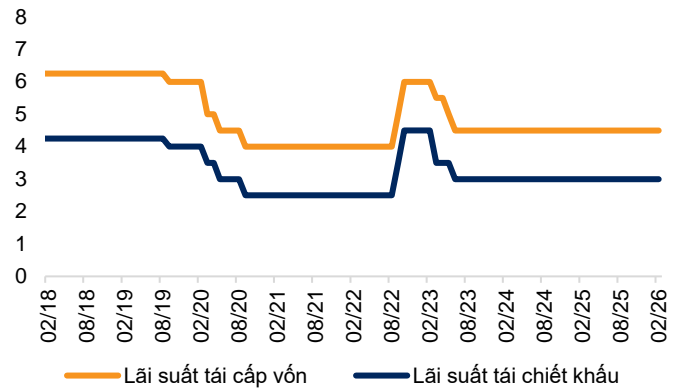
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4.05	0.0	-0.3	24.5	65.7
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	6.65	4.2	-17.9	303.0	64.2
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	6.59	-3.8	-3.8	-20.1	51.5
USD/VND	26,309	0.0	0.1	0.0	-1.3
DXY	97.92	-0.1	-1.2	-0.4	-2.7
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4.37	-0.4	1.8	4.8	-0.2
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3.92	-0.5	2.7	10.7	1.5

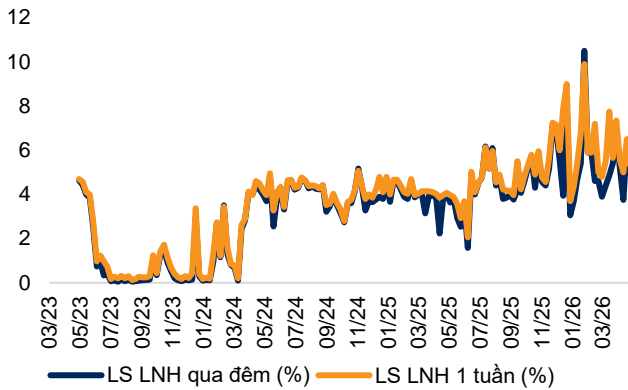
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



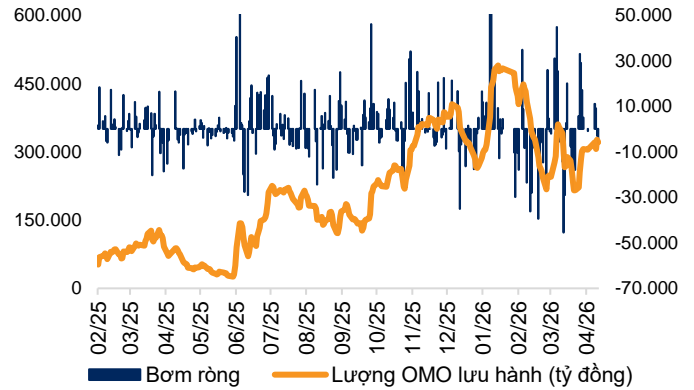
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



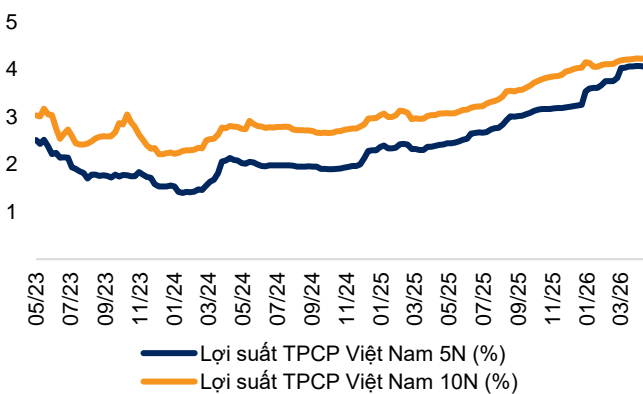
Nguồn: SBV, FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUÁ KÈNH OMO



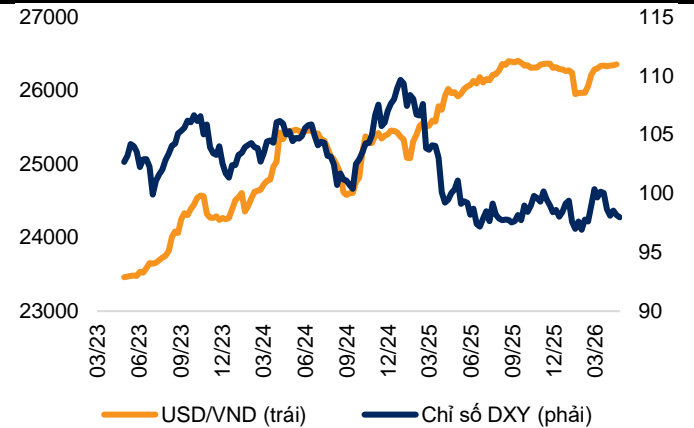
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	0.0%	0.4%	58.2%
Brent Crude	0.5%	6.2%	60.1%
JKM LNG	0.7%	-13.5%	62.5%
Henry Hub LNG	-2.0%	-11.9%	48.0%
NW Thermal Coal	-1.5%	-10.3%	-15.1%
Singapore Platt FO	-6.2%	-5.9%	67.6%

Kim loại quý	% dod	% mom	% yoy
Vàng	0.4%	-0.4%	43.1%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	3.8%	10.7%	145.0%
Bạch kim	-0.2%	0.3%	110.1%

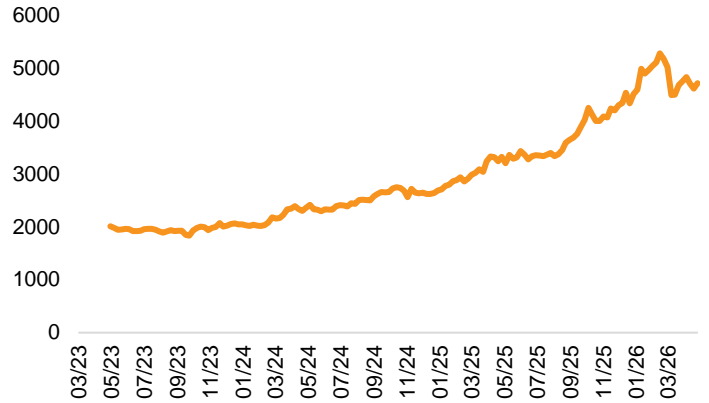
Kim loại cơ bản	% dod	% mom	% yoy
Vonfram	0.0%	8.3%	641.6%
Đồng	1.9%	8.1%	36.9%
Nhôm	-0.9%	0.2%	50.1%
Niken	-0.3%	13.1%	23.3%
Kẽm	0.5%	1.7%	6.8%
Chì	NA	NA	NA
Thép	0.2%	0.7%	-3.1%
Quặng sắt	-0.3%	3.8%	9.9%

Nông sản	% dod	% mom	% yoy
Gạo	-1.3%	4.7%	-8.3%
Arabica	-2.8%	1.7%	-26.5%
Đường	0.6%	2.7%	-16.5%
Cacao	7.2%	43.9%	-53.6%
Dầu cọ	-0.8%	-1.9%	NA
Bông	0.1%	15.9%	24.6%
Sữa bột	0.2%	-0.8%	-8.0%
Lúa mì	-0.7%	0.6%	16.2%
Đậu tương	-0.2%	1.6%	14.2%
Hạt điều	NA	0.0%	2.8%
Cao su	-1.9%	4.4%	28.8%
Urê	0.0%	13.4%	108.0%

Chăn nuôi	% dod	% mom	% yoy
Heo hơi	-0.2%	0.8%	0.4%
Gia súc	-1.4%	0.7%	17.7%

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: GIÁ VÀNG



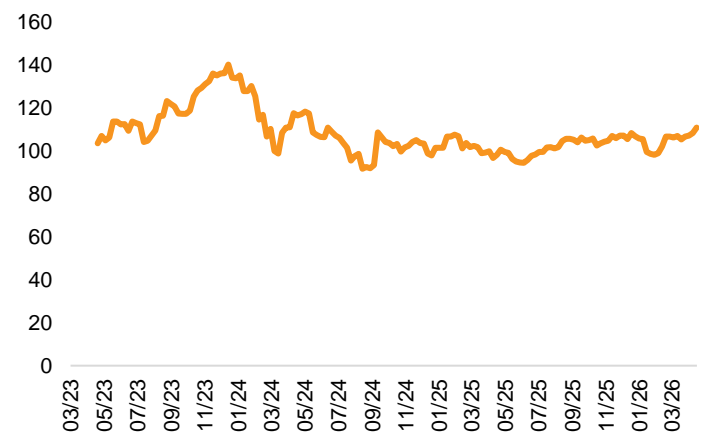
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: GIÁ DẦU BRENT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	6,046	2.2	2,846	44,400	73,300	66.3%	1.2%	14.9	2.2	16%
AST	123	0.0	4	71,800	85,400	22.4%	3.5%	11.0	4.7	47%
HVN	2,631	1.2	570	22,250	43,400	97.9%	2.8%	8.8	11.7	
VJC	3,962	8.3	935	176,200	113,600	-35.0%	0.6%	40.0	4.2	10%
Bán lẻ										
BAF	411	2.7	194	35,600	37,200	4.5%		56.2	2.7	4%
DGW	364	4.2	93	43,300	49,600	16.9%	2.3%	14.9	2.6	19%
FRT	939	2.4	158	145,000	150,300	3.9%	0.2%	27.0	5.5	28%
MCH	6,436	2.0		130,800	147,000	13.9%	1.6%	24.7	9.8	42%
MWG	4,722	24.2	-2	84,600	96,300	15.0%	1.2%	15.2	3.5	25%
PNJ	1,363	6.3	11	70,100	109,900	57.7%	1.0%	10.3	2.5	28%
QNS	662	0.2	270	47,400	53,400	16.9%	4.2%	7.8	1.4	18%
SAB	2,255	1.6	936	46,250	59,900	36.0%	6.5%	12.7	2.7	21%
VHC	516	2.6		60,500	71,300	21.2%	3.3%	9.1	1.4	16%
VNM	4,838	13.0	2,471	60,900	74,800	27.5%	4.7%	13.8	3.9	28%
Tài chính										
ACB	4,461	11.9	169	22,850	31,300	40.8%	3.8%	7.2	1.2	18%
BID	11,733	13.2	1,462	42,400	47,200	12.4%	1.1%	9.7	1.7	18%
CTG	10,687	13.4	512	36,200	49,000	36.2%	0.9%	7.4	1.5	22%
HDB	5,203	14.3	272	27,350	39,500	46.8%	2.3%	7.5	1.7	25%
LPB	5,882	2.8	240	51,800	33,400	-29.7%	5.8%	13.9	3.1	23%
MBB	8,006	22.4	22	26,150	32,900	27.7%	1.9%	7.6	1.5	21%
STB	5,267	23.0	927	73,500	45,700	-37.0%	0.8%	18.1	2.3	8%
TCB	9,117	15.8	1	33,850	40,300	21.1%	2.1%	9.2	1.4	16%
TPB	1,687	8.0	93	16,000	17,800	17.2%	6.0%	6.0	1.0	18%
VCB	19,278	19.8	1,924	60,700	69,300	14.9%	0.7%	14.1	2.2	16%
VIB	2,077	3.9	4	16,050	23,600	52.6%	5.6%	7.2	1.1	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8,429	16.9	461	27,950	37,100	34.5%	1.8%	8.4	1.3	16%
Dệt may										
MSH	154	0.7	65	36,050	40,600	15.4%	2.8%	6.6	2.1	33%
TCM	98	1.1	2	22,900	29,800	32.3%	2.2%	11.1	1.0	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2,085	1.6	689	53,000	68,600	31.5%	2.1%	16.3	2.5	16%
GMD	1,308	6.1	93	80,700	72,000	-8.3%	2.5%	19.7	2.5	13%
HAH	363	4.8	78	56,500	55,400	-0.6%	1.4%	7.9	2.1	27%
VSC	314	7.4	150	22,100	19,100	-11.3%	2.3%	30.2	1.6	6%
IDC	662	4.7	214	45,900	45,600	2.6%	3.3%	9.4	2.6	31%
KBC	1,203	4.7	481	33,600	30,000	-9.6%	1.1%	20.5	1.3	7%
PHR	329	1.0	116	63,900	68,400	9.2%	2.1%	13.1	2.0	16%
VTP	434	1.8	195	66,000	129,200	97.0%	1.2%	31.3	6.2	21%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	754	12.2	320	52,200	128,300	151.5%	5.7%	8.0	1.3	17%
HPG	8,125	43.5	2,158	27,850	30,000	9.5%	1.8%	10.1	1.5	16%
Dầu khí										
BSR	4,939	20.5	2,349	25,950	16,700	-34.0%	1.7%	9.9	1.9	21%
GAS	6,851	9.2	3,209	74,700	78,400	7.7%	2.7%	15.5	2.6	18%
OIL	558	4.4	35	14,200	14,800	6.0%	1.8%	41.4	1.4	3%
PLX	1,816	11.0	97	37,600	47,700	30.1%	3.2%	27.5	1.8	10%
PVD	651	9.1	250	30,800	32,600	14.0%	8.1%	14.6	1.0	7%
PVS	752	13.1	247	38,700	41,800	9.7%	1.7%	10.2	1.3	13%
PVT	395	9.5	139	22,100	23,400	6.9%	1.0%	9.1	1.2	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	668	10.5	299	25,850	22,700	-8.8%	3.3%	15.3	1.5	11%
DCM	809	9.6	317	40,200	40,000	4.5%	5.0%	10.4	1.9	19%
DDV	144	1.9	66	26,000	39,700	56.2%	3.5%	6.0	1.7	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	65	0.7	31	21,200	34,100	63.2%	2.4%	126.2	1.4	1%
Điện										
POW	1,633	9.9	775	14,550	14,400	0.1%	1.1%	17.6	1.2	7%
Điện và BĐS										
HDG	353	2.9	110	25,100	37,400	51.0%	2.0%	14.0	1.4	10%
PC1	283	8.8	103	18,100	26,500	46.4%	0.0%	8.1	1.1	15%
REE	1,256	3.0	0	61,000	76,600	27.2%	1.6%	12.6	1.6	13%
Bất động sản										
DXG	653	9.8	194	15,450	18,300	31.4%	12.9%	72.7	1.2	2%
KDH	1,034	4.7	236	24,250	41,800	73.6%	1.2%	24.2	1.4	6%
NLG	489	3.7	45	26,500	42,200	61.0%	1.7%	19.6	1.0	6%
VHM	25,604	27.3	10,769	164,000	93,600			10.4	2.6	28%
VRE	3,101	8.0	1,122	35,900	32,000	-7.9%	2.9%	11.9	1.6	15%
Công nghệ										
FPT	4,656	36.8	866	71,900	118,200	65.8%	1.4%	12.6	3.1	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**Hội sở**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA